

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Trường Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **136/2021/TLST-HNGĐ** ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **147/2021/QĐXXST-DS** ngày 31 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Kim C** - sinh năm 1976 (vắng mặt),  
Địa chỉ: Tổ 2, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn R** - sinh năm 1973 (vắng mặt),  
Địa chỉ: Tổ 2, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn R tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 1993, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2017 - 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được; nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh R thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Trúc N - sinh năm 1993, Nguyễn Thị Yến N - sinh năm 1996 và Nguyễn Cao V - sinh năm 2000; các con chung hiện đã trưởng thành và đã có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn R đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **R**.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Nguyễn Văn R hiện đang cư trú tại khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Võ Thị Kim C và bị đơn anh Nguyễn Văn R.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21/12/2015, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Văn R là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị C hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị C cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được nên chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh R. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn R, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh R không đến tham dự. Như vậy đã cho thấy anh R đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong quan hệ hôn nhân với chị C.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh R có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Võ Thị Kim C về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn R là có cơ sở nên chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị C và anh R có ba con chung gồm Nguyễn Thị Trúc N - sinh năm 1993, Nguyễn Thị Yến N - sinh năm 1996 và Nguyễn Cao V - sinh năm 2000; hiện các con chung đã trưởng thành và đã có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Võ Thị Kim C xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Võ Thị Kim C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Kim C xác định vợ chồng có ba con chung gồm Nguyễn Thị Trúc Nhi - sinh năm 1993, Nguyễn Thị Yến Nhi - sinh năm 1996 và Nguyễn Cao Võ - sinh năm 2000; hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Kim C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị Kim C phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012395 ngày 02/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Võ Thị Kim C đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trương Trường Chinh**